

HÀ NỘI THỜI TIỀN THĂNG LONG

(Mấy gợi ý cho nội dung trưng bày về thời kỳ này của
Bảo tàng Hà Nội)

HOÀNG XUÂN CHINH

Năm 1010 Lý Thái Tổ định đô ở Thăng Long. Đây không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, bình thường. Sự kiện này một mặt phản ánh sức mạnh về kinh tế, chính trị và quân sự của nước ta lúc bấy giờ, mặt khác cho thấy, lúc đó đất Tống Bình, tức Hà Nội ngày nay không phải là một vùng hoang vắng, mà đã là một trung tâm khá phát triển trên lưu vực sông Hồng.

Đất Tống Bình trước đây nằm ngay bên bờ sông Hồng, giữa vùng châu thổ sông Hồng, nhưng nay với Hà Nội mở rộng đã gồm cả một vùng núi cao phía Tây Nam và vùng đồi gò trung du Ba Vì, Sóc Sơn rộng lớn. Như vậy là, không gian Hà Nội ngày nay vừa có khối núi đá vôi với nhiều hang động, vừa có những gò đồi vùng trung du, vừa có đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ rất sớm con người đã có mặt trên không gian rộng lớn đó và liên tục khai phá mở rộng cho đến tận hôm nay.

Để trở thành một trung tâm kinh tế, chính trị và quân sự của cả nước, vùng đất này phải trải qua một quá trình phát triển lâu dài, có thể là dài nhất trong tiến trình lịch sử Hà Nội. Dưới đây là những sự kiện đánh dấu các giai đoạn phát triển của mảnh đất này trước khi trở thành

kinh đô Thăng Long thời Đại Việt.

Những lớp cư dân đầu tiên khai phá mở đất Hà Nội:

Tư liệu khảo cổ những năm gần đây cho thấy, cư dân văn hoá Sơn Vi là lớp người đầu tiên đến sinh sống trên những đồi gò trung du Hà Nội. Dấu tích của họ là những công cụ sản xuất bằng cuội quắc zít được ghè đẽo thô sơ còn để lại trên các gò đồi Ba Vì và Cổ Loa. Ở xã Vạn Thắng trên huyện Ba Vì, qua 2 cuộc điều tra đã thu lượm được khoảng 76 tiêu bản, gồm các công cụ điển hình của văn hoá Sơn Vi, như công cụ chặt rìu lưỡi dọc, công cụ chặt rìu lưỡi ngang, công cụ 2 rìu lưỡi... Trong đó, có số lượng nhiều nhất là công cụ rìu lưỡi ngang- 34 tiêu bản. Ở xã Cổ Đô, xóm Liên, cách Vạn Thắng không xa, cũng phát hiện được một số công cụ văn hoá Sơn Vi. Bên tả ngạn sông Hồng, trên một số gò sót ở Xóm Cứu, Đường Cấm, thuộc khu vực Cổ Loa, cũng thu lượm được khoảng 20 công cụ cuội văn hoá Sơn Vi. Văn hoá Sơn Vi được các nhà khảo cổ xác định thuộc hậu kỳ thời đại đá cũ, có tuổi khoảng 2 vạn đến trên một vạn năm.

Như vậy, vào khoảng trên dưới hai vạn năm, cư dân Sơn Vi sinh sống trên vùng đồi gò trung du Phú Thọ đã vượt qua sông Đà, sông Hồng

xuống khai phá vùng đồi gò Ba Vi và gò đất Cổ Loa. Lúc bấy giờ vùng đồi gò trung du Bắc Bộ là những cánh rừng bạt ngàn, phong phú động thực vật của vùng rừng nhiệt đới gió mùa, rất thuận lợi cho công việc săn bắn, hái lượm của cư dân Sơn Vi. Người Sơn Vi chưa biết đến nông nghiệp và chăn nuôi. Họ sống bằng săn bắn và hái lượm. Với hệ sinh thái phổ tạp của vùng rừng mưa nhiệt đới gió mùa, có nhiều giống loài động thực vật, song số lượng mỗi loài lại ít, nên cư dân ở đây săn bắn hái lượm theo phổ rộng, tìm kiếm về nhiều loại thức ăn khác nhau, mỗi thứ một ít và thường hái lượm có ưu thế hơn săn bắn.

Tiếp theo lớp người thuộc văn hoá Sơn Vi, là lớp người thuộc văn hoá Hoà Bình. Vào khoảng trên một vạn năm cách ngày nay, cư dân văn hoá Hoà Bình đã có mặt trên đất Hà Nội, mà dấu tích cuộc sống của họ còn để lại trong mái đá Sập Bon, hang Luồn. Và, phong phú hơn cả, là hang Sừng Sằm thuộc xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức. Lớp cư dân Sơn Vi sống trên vùng đồi gò trung du, lớp cư dân Hoà Bình muộn hơn lại sống trong các hang động núi đá vôi là điều không bình thường. Nhiều nhà nghiên cứu giải thích hiện tượng này bằng đợt biển tiến sau thời kỳ văn hoá Sơn Vi làm ngập lụt vùng trung du, song nhận thức này chưa được mọi người nhất trí.

Hang Sừng Sằm rộng 12- 15m, cửa hướng Tây Nam, nằm ở độ cao khoảng 100m so với mặt ruộng xung quanh. Trong tầng văn hoá dày 1- 1,4m, được cấu tạo từ vỏ ốc suối và vỏ ốc núi, đã phát hiện 2711 tiêu bản. Không kể phế liệu, mảnh tước, ở đây có tới 233 công cụ bằng đá cuội, bao gồm các loại thường gặp trong văn hoá Hoà Bình, như công cụ hình hạnh nhân, rìu dài, rìu ngắn, nạo, công cụ chày hình núm cuội, bàn mài, chày nghiền, bàn nghiền. Điểm đáng chú ý là, ở đây đã phát hiện được 13 rìu mài lưỡi, thuộc vào loại các di tích có nhiều rìu mài lưỡi trong văn hoá Hoà Bình. Tại đây cũng phát hiện được 2 lưỡi rìu bằng xương, lưỡi được mài nhẵn. Hang Luồn và mái đá Sập Bon cũng có những hiện vật bằng đá cuội ghè đẽo tương tự, nhưng hang nhỏ và số lượng ít hơn nhiều.

Có thể nói, so với di tích văn hoá Hoà Bình ở các nơi khác, cụm di tích văn hoá Hoà Bình này nằm gần kề châu thổ sông Hồng hơn cả.

Sừng Sằm đã có 2 mẫu vỏ ốc ở độ sâu 1,2m- 1,4m được xác định bằng phương pháp đồng vị phóng xạ C14 cho kết quả như sau:

Mẫu Bln 1541 I: 11.365 cộng/trừ 80 BP (BP là "cách ngày nay", với mốc năm là 1950).

Mẫu Bln 1541 II: 10.770 cộng/trừ 75 BP (BP là "cách ngày nay", với mốc năm là 1950).

Lớp cư dân văn hoá Hoà Bình ở đây, tuy vẫn sử dụng cuội làm công cụ sản xuất, nhưng so với lớp cư dân văn hoá Sơn Vi thì đã tiến bộ hơn nhiều. Tuy vẫn là ghè đẽo, song một số khá lớn công cụ ở đây đã được ghè đẽo xung quanh rìa viên cuội, các rìa lưỡi được ghè tu chỉnh nhiều hơn, nên góc lưỡi hẹp và sắc hơn, có loại hình tương đối ổn định. Song, nổi bật hơn cả là, đến thời điểm này, cư dân văn hoá Hoà Bình đã biết đến kỹ thuật mài đá, tuy nhiên, phần lớn công cụ mới chỉ được mài phần lưỡi.

Qua phân tích bào tử phấn hoa và xương, răng, sừng thú vật thu được trong hang, phần lớn các nhà nghiên cứu cho rằng, cư dân văn hoá Hoà Bình ở đây chủ yếu vẫn sống bằng phương thức săn bắn hái lượm, song có thể đã biết đến nghề nông nguyên thủy, nông nghiệp làm vườn.

Trong một số di tích hang động Hoà Bình ở Việt Nam cũng như ở Thái Lan, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy hạt chè, hạt trám... và phấn hoa các họ rau muống, sồi, dẻ, thanh mai, đậu và bầu, bí, v.v.

Dấu tích nông nghiệp trong văn hoá Hoà Bình tuy chưa thật rõ ràng và đủ sức thuyết phục nhưng đã cho thấy, so với giai đoạn Sơn Vi, đến lúc này đã có một sự thay đổi về hình thái kinh tế, từ kinh tế tự nhiên "nhờ trời" sang kinh tế sản xuất.

Những trung tâm, quần cư thời Tiền Hùng Vương trên đất Hà Nội:

Đến nay, trên đất Hà Nội vẫn chưa phát hiện được các di tích khảo cổ thời đại đá mới hậu kỳ. Tình hình này cũng giống các tỉnh khác trong vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ.

Sang đến thời đại kim khí, trên đất Hà Nội đã phát hiện được một loạt di tích khảo cổ tại

các doi đất, gò cao bên cạnh các sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ, có trình độ phát triển liên tục từ thấp lên cao, được các nhà khảo cổ xếp vào 3 giai đoạn phát triển là: văn hoá Phùng Nguyên, văn hoá Đông Đậu và văn hoá Gò Mun.

Văn hoá Phùng Nguyên thuộc sơ kỳ thời đại đồng thau, cách ngày nay khoảng 4.000 năm đến 3.500 năm. Trên đất Hà Nội ngày nay đã phát hiện được 17 di tích thuộc giai đoạn này. Thuộc hữu ngạn sông Hồng có Văn Điển, Chùa Gio, Gò Cây Táo, Đàn Xã Tắc, Ngõ Long, Phụng Hoàng, Kim Ngọc, Đồng Chỗ, Gò Hện. Bên tả ngạn sông Hồng có Núi Xây, Yên Tàng, Đình Chiểu, Đồng Vông, Bãi Mèn, Tiên Hội, Xuân Kiều, Đình Tràng (lớp dưới cùng).

Văn hoá Đông Đậu thuộc trung kỳ thời đại đồng thau, cách ngày nay khoảng 3.500 năm đến 3.000 năm. Trên đất Hà Nội ngày nay đã phát hiện được 9 di tích thuộc giai đoạn này: Tiên Hội (lớp trên), Bãi Mèn (lớp trên), Đình Tràng (trên lớp dưới cùng), Thành Dền, Đồi Đa (lớp dưới), Đồng Dền, Mão Sơn, Vườn Chuối, Lũng Hồng.

Văn hoá Gò Mun thuộc giai đoạn đầu hậu kỳ thời đại đồng thau, cách ngày nay khoảng 3.000 năm đến 2.700 năm. Trên đất Hà Nội ngày nay có 8 di tích: Gò Chùa Thông (lớp dưới), Vinh Quang (lớp dưới), Đồi Đa (lớp trên), Hoàng Ngô (lớp dưới), Chiền Vây (lớp dưới), Đình Tràng (lớp 3 tính từ dưới lên), Trung Màu (lớp dưới), Dương Xá (lớp dưới).

Ba giai đoạn văn hoá này được gọi là văn hoá Tiền Đông Sơn, cùng với các văn hoá Tiền Đông Sơn lưu vực sông Mã, sông Cả, hợp thành một văn hoá thống nhất, được định danh là văn hoá Đông Sơn, phân bố suốt từ Bắc vào tới Quảng Bình, Hà Tĩnh.

Văn hoá Tiền Đông Sơn lưu vực sông Hồng có đặc trưng chung là, công cụ sản xuất chủ yếu là đồ đá, kể cả 2 giai đoạn sau, khi đã có kỹ thuật luyện đúc đồng. Đồ đá đạt đến đỉnh cao, mài nhẵn rất đẹp, riêng rìu đá chủ yếu là rìu tứ giác kích thước nhỏ, rất ít rìu có vai. Đồ trang sức bằng đá cực kỳ phong phú, gồm có vòng tay, khuyên tai, nhẫn, hạt chuỗi, với các kiểu dáng và màu sắc khác nhau. Đồ đồng có

lưỡi câu, mũi tên hình cánh én, mũi nhọn, rìu hình thang, rìu xoè cân, với số lượng không nhiều, chủ yếu trong lớp văn hoá Đông Đậu và Gò Mun. Đáng chú ý, trong di tích Gò Chùa Thông có một lưỡi hái bằng đồng khá đẹp, giống với lưỡi hái ở di tích Gò Mun trên đất Phú Thọ. Đồ gốm đều thuộc loại gốm thô, gốm mịn rất ít, được chế tạo bằng bàn xoay, hoa văn trang trí đẹp. Ở cả 3 giai đoạn, ngoài loại văn thừng với số lượng lớn, còn các loại hoa văn đặc trưng riêng cho từng giai đoạn. Đó là văn khắc vạch kết hợp chấm giải, tạo thành các đồ án đối xứng của giai đoạn Phùng Nguyên, văn khuôn nhạc chải thành các đồ án hình chữ S, bện thừng, sóng nước của giai đoạn Đông Đậu và văn khắc vạch chấm tròn, tạo thành các đồ án hình kỷ hà của giai đoạn Gò Mun.

Cư dân văn hoá Tiền Đông Sơn trên đất Hà Nội đã có một nền kinh tế nông nghiệp lúa nước phát triển khá tổng hợp, trên cơ sở nghề luyện, đúc đồng ngày một phổ biến.

Trong giai đoạn này, tuy xã hội đã có những đổi thay so với các giai đoạn trước, song vẫn chưa ra khỏi phạm trù của xã hội công xã nguyên thủy. Đây là bước phát triển để mảnh đất này chuẩn bị có bước nhảy vọt trong giai đoạn văn hoá Đông Sơn.

Hà Nội thời dựng nước Văn Lang Âu Lạc:

Các nhà nghiên cứu đều nhất trí xem văn hoá Đông Sơn là văn hoá vật chất của nước Văn Lang và nước Âu Lạc của người Việt cổ.

Đất Hà Nội chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong buổi đầu dựng nước của dân tộc. Theo truyền thuyết, các vua Hùng dựng nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (đất Việt Trì ngày nay). Hà Nội lúc bấy giờ cũng là đất kề cận đế đô, đến lúc An Dương Vương thành lập nước Âu Lạc thì đế đô nằm ngay trên đất Hà Nội ngày nay: Cổ Loa.

Trên đất Hà Nội, đặc biệt là trên đất Cổ Loa, không những đã phát hiện lẻ tẻ nhiều loại rìu xéo gót vuông, rìu xéo gót tròn, nhiều loại giáo lao, dao găm, mà còn phát hiện được những bộ đồ đồng Đông Sơn quý hiếm: như hàng vạn mũi tên đồng (nặng tới 93kg) ở Cầu Vực, 200 đồ đồng, trong đó có khoảng 100 lưỡi cày đồng, trong lòng chiếc trống đồng vào loại to

đẹp nhất nhì nước ta tại Mả Tre. Đó là chưa kể vài chục di tích văn hoá Đông Sơn phân bố hầu khắp các huyện thị, trong đó có những di tích nổi tiếng như Vinh Quang (lớp trên), Đình Tràng (lớp trên cùng), Trung Mậu (lớp trên), Dương Xá (lớp trên), Chùa Thông (lớp trên), Chiềng Vây (lớp trên), Hoàng Ngô (lớp trên), Thọ Vực, Đường Cổ, v.v. Hà Nội là khu vực phát hiện được nhiều khu mộ quan tài hình thuyền thuộc văn hoá Đông Sơn nhất nước như Châu Can, Đại Áng, Phú Lương, Minh Đức, Kim Đường, Xuân La, Lật Phương, Phương Tú, Trầm Lộng, Đồng Lãng, v.v. Hơn thế nữa, ngay trên đất Cổ Loa, cũng đã phát hiện được dấu tích lò đúc mũi tên đồng Cổ Loa, v.v.

Hà Nội cũng là nơi phát hiện được nhiều trống đồng đẹp nhất như trống Hoàng Hạ, trống Miếu Môn, trống Cổ Loa I.

Và, hơn tất cả, trên đất Cổ Loa còn tồn tại cho đến ngày nay ba vòng thành đất to lớn, mà truyền thuyết cũng như lòng dân đều cho là do An Dương Vương xây dựng.

Như vậy, Hà Nội đã là kinh đô của đất nước trước kinh đô Thăng Long hàng ngàn năm.

Các cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược phương Bắc trên đất Hà Nội:

Sau cuộc kháng chiến chống sự xâm lược của Triệu Đà thất bại, Hà Nội cũng như cả nước bị các triều đại phong kiến Trung Hoa (Hán, Tam Quốc, Lục Triều cho đến Tuỳ, Đường) lần lượt thống trị, với nhiều chính sách bóc lột vô cùng tàn bạo, hà khắc.

Trong thời Bắc thuộc, Hà Nội nhiều lần là quận trị quận Giao Chỉ. Năm 607, quận trị được dời từ thành Long Biên sang thành Tống Bình trên sông Tô Lịch. Có thể nói, từ thế kỷ VI về sau, đất Hà Nội đã trở thành trung tâm, nơi đóng trị sở của bọn xâm lược. Dấu tích của bọn phong kiến phương Bắc còn để lại khá đậm nét trong lòng đất Hà Nội. Quanh Hà Nội ngày nay, đã phát hiện được nhiều khu mộ gạch của bọn xâm lược như mộ ở Hoàng Mai, Mạch Tràng, Dục Tú, Mã Cơ, Đàn Xã Tắc, v.v. Ngay trong Hoàng Thành Thăng Long, trong cuộc khai quật vừa qua cũng đã phát hiện được một lớp văn hoá trước thời Lý, với những chiếc vò dày, miệng đứng có 5- 6 núm trên vai rất đặc trưng

cho đồ gốm Tuỳ Đường, gạch "Giang Tây Quân", "Giang Tây chuyên" là các loại gạch do quân lính Trung Quốc thời Tuỳ- Đường sản xuất phục vụ cho việc xây thành quách, công sự...

Hà Nội trong suốt ngàn năm Bắc thuộc là trung tâm của các cuộc khởi nghĩa, nhiều nhà lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa cũng như tướng lĩnh là con dân Hà Nội.

Trong các cuộc khởi nghĩa, có nhiều cuộc thu được thắng lợi, giành được chính quyền trong thời gian nhất định.

Hai Bà Trưng, quê ở Mê Linh, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống nhà Hán thế kỷ I, chiếm được 65 thành, xưng vương, đóng đô ở Mê Linh. Trên đất Hà Nội có thành Dền, theo truyền thuyết, là do Trưng Nhị đắp để chống lại quân Mã Viện. Trên đất Mê Linh, Hát Môn và ngay Đồng Nhân (nội thành Hà Nội) hiện vẫn còn đền thờ Hai Bà.

Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí chống sự thống trị của nhà Lương thế kỷ VI, bước đầu thắng lợi, xưng là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở ngay trên cửa sông Tô Lịch. Có thể nói, Lý Nam Đế là người đầu tiên nhìn thấy vị trí quan trọng của đất nội thành Hà Nội ngày nay.

Phùng Hưng, người Đường Lâm, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống sự thống trị của nhà Đường thế kỷ VII. Hiện nay, trên quê hương Đường Lâm và một số nơi như Mục Hoà, Triều Khúc vẫn còn đền, đình thờ ông và đặc biệt, ở Kim Mã còn có lăng mộ ông.

Ngô Quyền, người Đường Lâm, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán, giành thắng lợi trên sông Bạch Đằng trong thế kỷ X, giải phóng hoàn toàn đất nước, mở đầu cho nền tự chủ của dân tộc. Hiện nay, trên đất Hà Nội còn có lăng mộ Ngô Quyền ở Ba Vì, đền thờ ông ở quê hương.

Buổi đầu thời tự chủ Ngô, Đinh, Tiền Lê:

Sau chiến thắng quân Nam Hán, Ngô Quyền xây dựng nền tự chủ, đóng đô ở Cổ Loa. Nhưng do tính chất tập quyền chưa cao, nên chưa được bao lâu đã xảy ra nạn cát cứ, có tới 12 sứ quân nổi lên chống đối lẫn nhau, mỗi sứ quân chiếm cứ một khu vực trên địa bàn trung tâm lưu vực sông Hồng.

(Xem tiếp trang 43...)

Con người tự cảm thấy mình lớn lên hơn, trong sáng đẹp đẽ hơn, nhân ái hơn... Họ đã thoát ra khỏi được không gian hẹp hòi... nhờ thế mà họ sẵn sàng vượt qua những ràng buộc thấp hèn để tiến tới những hành động cao quý. Rõ ràng, nhận thức này được đẩy cao lên đã dẫn đến những tinh thần yêu quê hương xứ sở, yêu nước cao độ... Cụ thể phần nào đã được chứng minh rất rõ nét trong những cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua. Họ sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân, thậm chí cả xương máu của mình cho chiến thắng.

Còn rất nhiều mối quan hệ nữa như chính lễ hội đã là một hiện tượng để thông linh, để con người không bị rơi vào sự hụt hẫng tinh thần, thoát khỏi vòng tay của chủ nghĩa tiên tri và Cứu thế giáo... Tác dụng của lễ hội tất nhiên không chỉ dừng lại như vậy mà còn ở nhiều lĩnh vực khác nữa. Chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này kỹ hơn trong quan hệ của người xưa với lễ hội ở lĩnh vực không gian, thời gian, tập tục và những trò diễn lễ hội ở phần sau./

(Kỳ sau đăng tiếp...)

N.T.T

(Tiếp theo trang 39)

Đình Bộ Lĩnh, quê gốc Ninh Bình ngày nay, đẹp được loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, lên ngôi Hoàng đế là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cổ Việt, đóng đô ở Tràng An- thuộc đất Hoa Lư- Ninh Bình ngày nay.

Chưa được bao lâu, nhà Tống đem quân xâm lược, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được quần thần suy tôn lên ngôi Hoàng đế, lãnh đạo quân dân ta đánh thắng xâm lược, củng cố nền tự chủ. Thời Tiền Lê tiếp tục đóng đô ở Tràng An, xây thành, đắp lũy để phòng quân xâm lược.

Ba triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê kéo dài chưa đến 70 năm, trừ thời Ngô đóng đô ở Cổ Loa, nay vẫn chưa xác định được vị trí cụ thể, hai triều đại Đinh Lê đều đặt tên nước là Đại Cổ Việt và đều đóng đô ở Tràng An, dựa vào thế núi đắp thành bảo vệ.

Đất Hà Nội lúc đó tuy không phải là kinh đô, nhưng vẫn là đất trung tâm của châu thổ Bắc bộ. Đặc biệt, trong giai đoạn Thập nhị sứ quân kéo dài hơn 20 năm, Hà Nội nằm trong phạm vi khống chế của các sứ quân Nguyễn Hữu Công- vùng Tây Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Đông ngày nay), sứ quân Kiều Thuận- vùng Hồi Hồ (Cấm Khê, Sơn Tây ngày nay), sứ quân Ngô Nhật Khánh- vùng Đường Lâm

(Phúc Thọ, Sơn Tây ngày nay), sứ quân Đỗ Cảnh Thạc- vùng Đỗ Động Giang (huyện Thanh Oai ngày nay).

Đáng chú ý là trong cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn, nhiều chiến trận xảy ra gần Hà Nội, như trận Tây Kết, đặc biệt có chiến thắng Bình Lỗ diễn ra trên đất Hà Nội, khoảng từ Phù Lỗ đến Vệ Sơn thuộc đất Sóc Sơn.

Như vậy, buổi đầu thời tự chủ, trong tình hình chế độ tập quyền mới được thành lập, ý thức cát cứ còn mạnh, lại luôn bị phong kiến phương Bắc dòm ngó, các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê một mặt lo phát triển kinh tế, song phần lớn tài lực, vật lực tập trung cho công cuộc phòng thủ đất nước. Trong tình hình đó, Hà Nội vẫn là vùng trung tâm, quyết định vận mệnh của đất nước. Ai nắm được vùng này là nắm được đất nước. Cho nên các sứ quân chủ yếu giành giết nhau miền đất này.

Trên đây là mấy nét phác họa về một Hà Nội thời tiền Thăng Long. Có thể coi đây là những gợi nghĩ ban đầu cho việc xác định nội dung và lựa chọn hiện vật, tài liệu cho phần trưng bày về thời kỳ lịch sử này của Hà Nội trong Bảo tàng Thăng Long- Hà Nội mai sau./

H.X.C

NGUYỄN THU TRANG: SOME DIFFERENT THINKINGS ON TRADITIONAL FESTIVALS

This paper puts ritual and ceremony as an integrated category; view traditional festivals in the relationship with gods, communities, kinships and oneself, and draw some characters relevant to special history and society of Viet people in village and tradition.